

THÁI ĐỘ NGÔN NGỮ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI CHĂM TẠI HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Tôn Thị Tuyết Oanh

Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang, ĐHQG TP. HCM

Tóm tắt: Cảnh huống ngôn ngữ đặc trưng trong cộng đồng người Chăm tại huyện An Phú, tỉnh An Giang là trạng thái song ngữ. Với mỗi ngôn ngữ khác nhau được sử dụng trong giao tiếp, người Chăm mang theo những thái độ khác nhau. Nghiên cứu xây dựng thang đo thái độ ngôn ngữ dựa trên ba thành tố: tình cảm, nhận thức và hành vi. Kết quả khảo sát cho thấy người Chăm tại An Phú có thái độ tích cực đối với cả tiếng Chăm và tiếng Việt. Thái độ này không do yếu tố địa vị ngôn ngữ quyết định; chúng được thiết lập bởi cách mà người Chăm ứng xử với từng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh giao tiếp.

Từ khóa: Thái độ ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ, song ngữ, quan sát tham dự.

LANGUAGE ATTITUDES OF THE CHAM COMMUNITY IN AN PHU DISTRICT, AN GIANG PROVINCE

Ton Thi Tuyet Oanh

Faculty of Education, An Giang University, Vietnam National University – Ho Chi Minh City

Abstract: The typical linguistic situation in the Cham community of An Phu district, An Giang province, is bilingualism. Each language used in communication is associated with distinct attitudes among Cham speakers. This study constructs a language attitude scale based on three components: affective, cognitive, and behavioral. Survey results indicate that the Cham people in An Phu hold positive attitudes toward both the Cham and Vietnamese languages. These attitudes are not determined by the sociolinguistic status of the languages, but rather shaped by how the Cham community interacts with each language in specific communicative contexts.

Keywords: Language attitudes, language competence, bilingualism, participant observation

Nhận bài: 18/05/2025

Phản biện: 18/06/2025

Duyệt đăng: 22/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thái độ ngôn ngữ là một phạm trù trung tâm trong ngôn ngữ học xã hội, chúng có liên quan chặt chẽ đến các tiến trình như thụ đắc ngôn ngữ, duy trì bản sắc văn hóa, bảo tồn ngôn ngữ thiểu số cũng như hoạch định và thực thi chính sách ngôn ngữ. Việc nghiên cứu thái độ ngôn ngữ không chỉ giúp nhận diện cảm xúc, niềm tin và hành vi của người nói đối với các ngôn ngữ khác nhau mà còn cung cấp dữ liệu quan trọng để lý giải các xu hướng dịch chuyển ngôn ngữ, đánh giá hiệu quả các chương trình giáo dục song ngữ và dự báo những thay đổi trong đời sống ngôn ngữ của cộng đồng.

Trong môi trường ngôn ngữ – văn hóa phong phú và đa dạng như ở Việt Nam, cộng đồng người Chăm tại huyện An Phú (tỉnh An Giang) là một trường hợp đặc biệt cần được quan tâm. Đây là địa bàn tập trung đông đảo người Chăm Islam – một nhóm dân cư có bản sắc văn hóa, tôn giáo và ngôn ngữ riêng biệt. Theo Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, An Phú là nơi cư trú của hơn 5.779 người Chăm, chiếm hơn một nửa số người Chăm tại tỉnh An Giang. Với những đóng góp ngày càng rõ nét vào đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa của địa phương, người Chăm tại đây đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong tiến trình phát triển bền vững vùng biên giới Tây Nam.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển và hội nhập, cộng đồng này cũng đối diện với nhiều thách thức trong việc bảo tồn tiếng mẹ đẻ, duy trì song ngữ và truyền thừa giá trị văn hóa dân tộc. Việc khảo sát thái độ ngôn ngữ của người Chăm tại An Phú không chỉ phản ánh chân thực thực trạng sử dụng ngôn ngữ trong cộng đồng mà còn cung cấp cơ sở khoa học để các cơ quan chức năng xây dựng chính sách ngôn ngữ, giáo dục song ngữ và phát triển văn hóa phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ – xã hội của địa phương.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Lý thuyết thái độ ngôn ngữ

Thái độ ngôn ngữ đề cập đến phản ứng hoặc ý kiến đánh giá của một cá nhân đối với ngôn ngữ và cá nhân/cộng đồng nói ngôn ngữ đó. Những thái độ này có thể tích cực, tiêu cực hoặc trung lập và chúng đóng một vai trò quan trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ, mô hình giao tiếp và tương tác trong xã hội.

Gardner (1985) cho rằng, nếu coi thái độ là tập hợp các niềm tin và khuynh hướng tâm lý để hành động hoặc đánh giá hành vi theo một cách nhất định thì thái độ ngôn ngữ có thể được định nghĩa là một phần của năng lực tồn tại, nhưng cũng là một cấu trúc năng động của thái độ người học.

Dưới góc độ tâm lý học, Dragojevic và các cộng sự (2021) định nghĩa thái độ ngôn ngữ là cảm xúc và nhận thức của một cá nhân về ngôn ngữ của họ hoặc các ngôn ngữ khác.

Ryan và Bulik (1982) dùng ba nhân tố: cảm xúc, niềm tin và hành vi để định nghĩa thái độ ngôn ngữ. Đồng tình với quan điểm trên, Fasold cho rằng “việc duy trì hoặc thay đổi ngôn ngữ có thể được coi là sự lựa chọn của các thành viên trong một cộng đồng giao tiếp cụ thể, phản ánh các giá trị văn hóa của họ. Điều này góp phần thay đổi hoặc duy trì bản sắc văn hóa của cộng đồng” (Fasold, 1984, tr.214).

Richards và các cộng sự (1985) xem thái độ ngôn ngữ là cảm giác mà những người nói các ngôn ngữ khác nhau có đối với ngôn ngữ của nhau hoặc đối với ngôn ngữ của chính họ. Chính thái độ của cộng đồng đối với ngôn ngữ sẽ ảnh hưởng đến vị thế của nó trong cộng đồng giao tiếp. Garvin và Mathiot (1968), Holmes (2001) đã xây dựng ba đặc điểm sau đây của thái độ ngôn ngữ tích cực: (1) Lòng trung thành với ngôn ngữ; (2) Niềm tự hào về ngôn ngữ; (3) Mong muốn bảo tồn, duy trì ngôn ngữ bất kể trong những hoàn cảnh bị hạn chế sử dụng. Garvin và Mathiot (1968) cũng xây dựng ba đặc tính của thái độ ngôn ngữ tiêu cực: (1) Không trung thành đối với ngôn ngữ; (2) Thái độ tự ti về ngôn ngữ; (3) Không nhận thức được các chuẩn mực.

Theo Nguyễn Văn Khang (2012), “thái độ ngôn ngữ (language attitude) có thể hiểu là sự đánh giá về giá trị và khuynh hướng hành vi của một cộng đồng hay cá nhân đối với một ngôn ngữ hoặc một hiện tượng ngôn ngữ nào đó” (Nguyễn Văn Khang, 2012, tr.85). Thái độ ngôn ngữ bao gồm ba bộ phận hợp thành: nhận thức, cảm xúc và hướng tới hành động. Với cách nhìn này, nghiên cứu thái độ ngôn ngữ sẽ phụ thuộc vào người giao tiếp, thông qua giao tiếp có thể biết được thái độ của họ hoặc từ những ứng xử mà gián tiếp suy ra thái độ (Nguyễn Văn Khang, 2012, tr.84).

Trong bài viết này, tác giả sử dụng quan điểm của Baker về thái độ ngôn ngữ. Theo đó, thái độ ngôn ngữ được hiểu là “những cảm xúc của người nói đối với những sự việc như: sự biến đổi ngôn ngữ, phương ngữ và phong cách nói, tiếp thu một ngôn ngữ mới, thái độ đối với một ngôn ngữ thiểu số hay các nhóm ngôn ngữ, việc sử dụng một ngôn ngữ cụ thể của một cộng đồng dân cư hoặc

sở thích trong việc sử dụng ngôn ngữ” (Baker, 1992, tr.29).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điền dã ngôn ngữ học: Phương pháp này đóng vai trò là công cụ khảo sát chủ đạo nhằm thu thập dữ liệu thực tế về thái độ ngôn ngữ của người Chăm tại huyện An Phú thông qua bảng hỏi khảo sát; nó cho phép tiếp cận trực tiếp hiện tượng ngôn ngữ trong môi trường sử dụng tự nhiên. Dựa trên tỉ lệ phân bố dân cư tại các địa bàn có số đông người Chăm sinh sống của huyện An Phú, nghiên cứu thực hiện khảo sát 374 người Chăm sinh sống trên 5 địa bàn của huyện An Phú bao gồm: thị trấn Đa Phước, xã Vĩnh Trường, Quốc Thái, Nhơn Hội, Khánh Bình.

Phương pháp quan sát tham dự: Phương pháp này được triển khai đồng thời với quá trình khảo sát bằng phiếu hỏi, nhằm bổ trợ dữ liệu định tính cho việc nghiên cứu thái độ và hành vi ngôn ngữ của cộng đồng người Chăm tại huyện An Phú. Trong quá trình điền dã, nhóm nghiên cứu đã lưu trú tại các hộ gia đình người Chăm, tham gia vào các không gian sinh hoạt cộng đồng như thánh đường, trường học, trường nội trú, chợ, quán cà phê, trạm y tế, nhà văn hóa xã hay các buổi sinh hoạt tập thể... để thuận tiện cho việc quan sát trực tiếp các tình huống giao tiếp diễn ra trong môi trường sống tự nhiên.

Phòng vấn bán cấu trúc: Tại mỗi địa bàn, trong quá trình tham dự vào các ngữ cảnh giao tiếp, nhóm nghiên cứu thực hiện 20 lượt phỏng vấn sâu với từng đối tượng khác nhau, mỗi địa bàn tiến hành 4 lượt phỏng vấn chia đều cho 6 nhóm đối tượng người Chăm, mỗi nhóm đối tượng là 2 người: (1). Người trong ban quản lý thánh đường/ thầy giáo dạy tiếng Chăm; (2) Công chức/ giáo viên; (3) Học sinh/ sinh viên; (4) Người làm nghề buôn bán/lao động tự do; (5) Nông dân/ nội trợ.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1 Thang đo thái độ ngôn ngữ

Để đánh giá thái độ ngôn ngữ của cộng đồng người Chăm dành cho một ngôn ngữ cụ thể, chúng tôi căn cứ trên ba chỉ số: (1). Tình cảm dành cho ngôn ngữ; (2). Nhận thức đối với ngôn ngữ; (3). Hành vi đối với ngôn ngữ. Thang đo thái độ ngôn ngữ được chúng tôi thiết kế thành 14 câu hỏi theo thang Likert, dùng khảo sát cho cả tiếng Chăm và tiếng Việt.

Thành phần	Số câu	Nội dung
Tình cảm	Câu 1	Anh/ chị yêu quý ngôn ngữ này
	Câu 2	Anh/ chị thích sử dụng ngôn ngữ này
	Câu 3	Anh/ chị tự hào khi sử dụng ngôn ngữ này
	Câu 4	Anh/ chị xem ngôn ngữ này là ngôn ngữ chính của anh/ chị
Nhận thức	Câu 5	Anh/ chị nhận thấy ngôn ngữ này là ngôn ngữ mà mình sử dụng rất nhiều trong cuộc sống
	Câu 6	Anh/ chị nhận thấy ngôn ngữ này là ngôn ngữ cần thiết cho giao tiếp trong gia đình và cộng đồng
	Câu 7	Anh/ chị nhận thấy ngôn ngữ này là ngôn ngữ cần thiết học tập, công việc và giải trí của bản thân
	Câu 8	Anh/ chị nhận thấy ngôn ngữ này là ngôn ngữ đại diện cho bản sắc của cộng đồng anh/ chị
	Câu 9	Anh/ chị nhận thấy việc biết và sử dụng ngôn ngữ này sẽ mang lại nhiều lợi ích thiết thực trong cuộc sống
Hành vi	Câu 10	Anh/ chị rất muốn được học thêm ngôn ngữ này trong tương lai
	Câu 11	Anh/ chị muốn sử dụng ngôn ngữ này thường xuyên trong giao tiếp
	Câu 12	Khi tập nói cho trẻ nhỏ chưa biết nói trong gia đình, anh/chị sẽ dùng ngôn ngữ này trước tiên
	Câu 13	Anh/ chị mong muốn mọi người trong cộng đồng Chăm phải biết ngôn ngữ này
	Câu 14	Anh/ chị mong muốn ngôn ngữ này được giữ gìn và phát triển lâu dài

2.3.2 Phân tích kết quả khảo sát

a. Đối với tiếng Chăm

Khảo sát 374 người Chăm tại An Phú (An Giang) cho thấy cộng đồng này có thái độ tích cực rõ rệt đối với tiếng Chăm trên cả ba phương diện: tình cảm, nhận thức và hành vi. Dữ liệu từ thang đo Likert phản ánh sự đồng thuận cao trong việc yêu quý, tự hào và thích sử dụng tiếng Chăm, với các chỉ số trung bình dao động từ 4.72 đến 4.97. Tiếng Chăm không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là biểu tượng gắn liền với bản sắc văn hóa, được cộng đồng xem là “ngôn ngữ chính của bản thân” (TB = 4.89). Đặc biệt, không một người tham gia khảo sát nào tỏ thái độ tiêu cực đối với tiếng Chăm về mặt tình cảm – một điểm nổi bật cho thấy sự đồng thuận tuyệt đối về cảm xúc.

Ở phương diện nhận thức, cộng đồng Chăm tại An Phú nhận thấy rõ vai trò trung tâm của tiếng Chăm trong đời sống hàng ngày cũng như bản sắc dân tộc. Với các chỉ số cao như “ngôn ngữ sử dụng nhiều nhất trong đời sống hàng ngày” (TB = 4.82) và “ngôn ngữ đại diện cho bản sắc cộng đồng” (TB = 4.93), họ ý thức rõ ràng về giá trị thiết yếu của tiếng Chăm. Ngoài ra, các giá trị chức năng như phục vụ học tập, công việc, giải trí

và tăng cường kết nối xã hội tuy được ghi nhận (TB khoảng 4.14 – 4.16) nhưng vẫn còn hạn chế so với các chỉ số về vai trò truyền thống và văn hóa. Điều này phản ánh một thực tế: tiếng Chăm chủ yếu hiện diện trong môi trường nội bộ, ít được sử dụng trong các lĩnh vực công cộng, hành chính hay giáo dục chính quy.

Ở khía cạnh hành vi, đa số người Chăm thể hiện mong muốn mạnh mẽ trong việc duy trì và truyền bá tiếng Chăm: từ việc sử dụng thường xuyên (TB = 4.07), truyền dạy cho trẻ nhỏ (TB = 4.87), đến khẳng định mong muốn mọi người trong cộng đồng đều biết tiếng Chăm (TB = 4.91). Tuy nhiên, một nghịch lý nổi bật là mức độ đồng thuận với phát biểu “muốn học thêm tiếng Chăm trong tương lai” lại khá thấp (TB = 2.51). Hiện tượng này được lý giải bằng ba yếu tố: (1) tiếng Chăm hiện đang được sử dụng hiệu quả ở mức “đủ dùng” cho nhu cầu sinh hoạt, (2) vị thế xã hội của tiếng Chăm còn yếu trong các lĩnh vực chính thức nên việc học tập không được xem là thiết thực, và (3) ảnh hưởng của hệ thống giáo dục và hoàn cảnh lịch sử khiến người lớn tuổi không có nhu cầu học thêm, còn người trẻ lại thiếu môi trường học tập tiếng Chăm một cách hệ thống.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng nhu cầu học thêm tiếng Chăm thấp không đồng nghĩa với thái độ tiêu cực. Ngược lại, nó phản ánh sự chênh lệch giữa vai trò biểu tượng và vai trò chức năng của tiếng Chăm trong xã hội hiện đại. Do đó, để chuyển hóa tình yêu ngôn ngữ thành hành vi cụ thể, cần có chính sách bảo tồn ngôn ngữ phù hợp: từ việc thiết lập các chương trình đào tạo chính quy, tài liệu hóa ngôn ngữ, đưa tiếng Chăm vào giảng dạy trong trường học, cho đến việc tận dụng công nghệ truyền thông như YouTube, sách thiếu nhi song ngữ, ứng dụng học tiếng... Chỉ khi tiếng Chăm mở rộng được vai trò sử dụng thực tế, cộng đồng mới có thêm động lực để học tập và phát triển ngôn ngữ này.

Tóm lại, cộng đồng người Chăm tại An Phú thể hiện một bản sắc ngôn ngữ mạnh mẽ, là cơ sở thuận lợi để triển khai các chính sách bảo tồn và phát triển tiếng Chăm trong thời đại mới.

b. Đối với tiếng Việt

Cuộc khảo sát với 374 người Chăm tại An Phú (An Giang) phản ánh một bức tranh thái độ ngôn ngữ phức tạp và giàu sắc thái đối với tiếng Việt. Nhìn chung, người Chăm thể hiện sự đánh giá cao và tích cực đối với tiếng Việt ở khía cạnh chức năng – như một công cụ giao tiếp, học tập và hội nhập xã hội – nhưng không đồng nhất ngôn ngữ này với bản sắc dân tộc.

Ở bình diện tình cảm, các chỉ số như “yêu quý tiếng Việt” (TB = 4.76) và “thích sử dụng” (TB = 4.42) đạt mức cao, cho thấy thiện cảm và sự chấp nhận của người Chăm đối với tiếng Việt. Tuy nhiên, mức độ “tự hào khi sử dụng tiếng Việt” (TB = 3.98) lại thấp hơn đáng kể, cho thấy khoảng cách cảm xúc giữa tiếng Việt và tiếng Chăm – ngôn ngữ được xem là biểu tượng văn hóa và niềm tự hào dân tộc. Người Chăm dường như phân biệt rõ giữa sự yêu thích tiện ích và sự gắn bó bản sắc đối với hai ngôn ngữ này.

Ở phương diện nhận thức, tiếng Việt được đánh giá cao về vai trò trong học tập (TB = 4.82), công việc, giải trí (TB = 4.24) và giao tiếp (TB = 4.18), phản ánh nhận thức vững chắc về vai trò thiết yếu của tiếng Việt trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, chỉ số “tiếng Việt đại diện cho bản sắc cộng đồng” (TB = 2.47) lại rất thấp, cho thấy rõ tiếng Việt được xem là ngôn ngữ công cụ, không gắn với cảm thức cộng đồng như tiếng Chăm. Thực tế này cho thấy một chiến lược song ngữ bền vững, trong

đó người Chăm hội nhập qua tiếng Việt nhưng vẫn giữ vững giá trị bản sắc qua tiếng mẹ đẻ.

Về hành vi, người Chăm sử dụng tiếng Việt thường xuyên (TB = 4.18), nhưng không thể hiện mong muốn rõ ràng trong việc gìn giữ hay phát triển ngôn ngữ này (TB = 2.42). Điều này là hệ quả của vị thế thống trị của tiếng Việt: không cần được bảo vệ vì không bị đe dọa. Ngược lại, tiếng Chăm – ngôn ngữ thiểu số – lại được cộng đồng ưu tiên bảo tồn, thể hiện qua chỉ số sử dụng tiếng Chăm để tập nói cho trẻ (TB = 4.87), cao hơn nhiều so với tiếng Việt (TB = 3.24).

Một kết quả đáng chú ý là mong muốn “học thêm tiếng Việt” (TB = 2.53) không cao hơn nhiều so với mong muốn học tiếng Chăm (TB = 2.51). Tuy nhiên, dữ liệu định tính cho thấy sự khác biệt này chủ yếu đến từ phân tầng độ tuổi. Nhóm trẻ thể hiện nhu cầu học tiếng Việt cao hơn để phục vụ học tập và công việc, trong khi người trung niên và lớn tuổi không còn nhu cầu do đã sử dụng đủ cho sinh hoạt thường ngày. Điều này phù hợp với lý thuyết ngôn ngữ học xã hội về vai trò của lợi ích thực dụng và động lực theo thể hệ trong học ngôn ngữ.

Tổng thể, thái độ của người Chăm đối với tiếng Việt mang tính hai mặt: tích cực và thích nghi ở cấp độ chức năng, nhưng không hòa tan về mặt bản sắc. Tiếng Việt được xem là “ngôn ngữ để sống”, trong khi tiếng Chăm là “ngôn ngữ để là chính mình”. Đây là mô hình điển hình của các cộng đồng song ngữ thiểu số, đòi hỏi các chính sách giáo dục và bảo tồn ngôn ngữ cần nhận diện đúng động lực, tâm lý và thực tiễn sử dụng ngôn ngữ trong cộng đồng để đưa ra giải pháp phù hợp và bền vững.

III. KẾT LUẬN

Thông qua khảo sát, nghiên cứu khẳng định cộng đồng người Chăm tại An Giang có thái độ tích cực đối với tiếng Chăm và tiếng Việt. Tiếng Chăm được xem là ngôn ngữ cội nguồn, là đại diện cho bản sắc của dân tộc. Họ yêu quý tiếng Chăm và cố gắng duy trì nó bằng việc tích cực sử dụng nó trong các giao tiếp phi hành chính. Đối với tiếng Việt, người Chăm xem nó là ngôn ngữ sinh tồn, thiết yếu bởi nó gắn bó một cách mật thiết trong đời sống của họ. Đối với người Chăm, tiếng Việt là ngôn ngữ tốt nhất giúp họ tồn tại và kết nối với cộng đồng người Việt; là ngôn ngữ giúp họ có việc làm, có cơ hội tốt nhất để cải

thiện tương lai của con cái họ. Chính những phân tích này đã cho chúng tôi kết luận: vị thế của ngôn ngữ không quyết định đến thái độ ngôn ngữ của người Chăm.

Trong nghiên cứu, chúng tôi cũng đặc biệt lưu ý đến các nhân tố hình thành và thay đổi thái độ ngôn ngữ của cộng đồng người Chăm, trong đó phải kể đến các nhân tố về nhân khẩu học

của người giao tiếp như: giới tính, tuổi tác, dân tộc, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, thu nhập, tôn giáo, khu vực cư trú, tình trạng di cư. Tuy nhiên, trong phạm vi nhỏ hẹp của bài nghiên cứu, chúng tôi chưa có dịp khảo sát mối tương quan của các yếu tố này đến thái độ ngôn ngữ. Chúng tôi sẽ làm rõ vấn đề này trong những nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Khang. (2012). *Ngôn ngữ học xã hội*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Baker, C. (1992). *Attitudes and Language*. Multilingual Matters.
- Fasold, R. W. (1984). *The sociolinguistics of society*. New York: Basil Blackwell.
- Gardner, R. C. (1985). *Social Psychology and Second language Learning: The Role of Attitude and Motivation*. London: Edward Arnold.
- Garvin, P. L., & Mathiot, M. (1968). "The Urbanization of Guarani Language: Problem in Language and Culture". In J.A. Fishman, (Ed.) *Reading in Text Sociology of Language*. Mouton: Paris- The Hague. <https://doi.org/10.1515/9783110805376.365>
- Holmes, J. (2001). *An Introduction to sociolinguistic 2nd Edition*. London: Pearson Education Limited. Jakarta: PT. Rineka Cipta.
- Richards, J., Platt, J., and Weber, H. (1985). *Longman dictionary of applied linguistics*. Harlow: Longman.
- Ryan, E. & Bulik, C. (1982). "Evaluations of middle class speakers of standard American and German-accented English". *Journal of Language and Social Psychology* 1, 51–62.